

Bản án số: 186/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1. Ông Lê Xuân Thư
 - 2. Bà Đỗ Thị Vân
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân h Hoằng Hóa
- *Đại diện Viện kiểm sát ND huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:* Không

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 9, xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Chu Thị Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 9, xã Hoằng Thái, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn T, vắng mặt bị đơn chị Chu Thị Th không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2018, bản tự khai ngày 14/5/2018, lời khai tại phiên hòa giải ngày 30/5/2018 và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn anh Nguyễn Văn T thể hiện:

Tôi (T) và cô Chu Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, được UBND xã Hoằng T, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 11/2012. Vợ chồng tôi sống hòa thuận với nhau cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vì tôi đi làm ăn xa, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi không còn tình yêu đối với cô Th nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Th.

Về con: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị K Th, sinh ngày 19/7/2013 và cháu Nguyễn Thị N L, sinh ngày 01/11/2014, hiện cả hai cháu đều đang ở với bố mẹ đẻ tôi, cô Th đi làm công ty sáng đi chiều về chăm sóc con. Vì điều kiện công việc nên tôi phải đi làm xa nhưng tôi vẫn gửi tiền về cho bố mẹ tôi để chi tiêu sinh hoạt cho các con. Tôi đề nghị được nuôi cả hai con, nếu không được thì tôi đề nghị được nuôi một cháu và không yêu cầu cô Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2018, lời khai tại biên bản hòa giải ngày 30/5/2018 của chị Chu Thị Th thể hiện:

Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau được UBND xã Hoàng T cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 11/2012. Vợ chồng sống hòa thuận cho đến tháng 6/2014 thì anh T sang Nhật theo diện xuất khẩu lao động, khi ấy tôi cháu đầu được 01 tuổi và tôi đang mang thai cháu thứ hai. Trong thời gian anh T ở 01 năm bên Nhật, không hề gửi về cho tôi khoản tiền nào để trang trải cuộc sống mặc dù khi đó tôi ở nhà chăm sóc con, không có thu nhập. Anh không quan tâm đến cuộc sống của ba mẹ con tôi, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Ngay cả khi anh T về nước cũng ở luôn tại Hà Nội làm việc cho đến nay, không về nhà và cũng không dành thời gian chăm sóc con và gia đình. Nay anh T muốn ly hôn, tôi cũng đồng ý.

Về con: Vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị KTh, sinh ngày 19/7/2013 và cháu Nguyễn Thị N L, sinh ngày 01/11/2014. Tôi đang ở cùng bố mẹ chồng và phải đi làm công ty nên bố mẹ tôi trong nom các cháu, chiều tối tôi mới có mặt ở nhà. Tôi đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn T không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị Th tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Hoàng T, huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn tháng 11/2012 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau chỉ hòa thuận một thời gian thì anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật, tình cảm vợ chồng từ đó dần lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân đã gần 4 năm nay, không quan tâm gì đến nhau thể hiện tình cảm anh chị thực sự không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù tại phiên hòa giải ngày 30 tháng 5 năm 2018, anh T và chị Th đều đã thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt chị Th, không rõ ý kiến hiện tại của chị nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị KTh, sinh ngày 19/7/2013 và cháu Nguyễn Thị N L, sinh ngày 01/11/2014. Hiện các cháu đang được ông bà nội chăm sóc vì chị Th đang ở cùng bố mẹ chồng.

Xét đề nghị về phân nuôi con của các đương sự nhận thấy: Chị Th có nguyện vọng nuôi cả hai con, tuy nhiên xét điều kiện là phụ nữ với công việc là công nhân may nếu nuôi cả hai cháu sẽ khó đảm bảo điều kiện đầy đủ tốt nhất cho các cháu. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T, giao cháu đầu là Nguyễn Thị K Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị N L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[3] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tố tụng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cả anh T và chị Th đều có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 21/6/2018, chị Th đã vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Chu Thị Th là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Chu Thị Th.

Về con: Công nhận cháu Nguyễn Thị K Th, sinh ngày 19/7/2013 và cháu Nguyễn Thị N L, sinh ngày 01/11/2014 là con chung của anh Nguyễn Văn T và chị Chu Thị Th. Giao

cháu Nguyễn Thị K Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu Nguyễn Thị N L cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002610 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn chị Chu Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. Hoàng Hóa;
- Chi cục THA DS h. Hoàng Hóa;
- UBND xã Hoàng Th, *Hoàng Hóa;*
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Thu

Đỗ Thị Vân

Lê Thị Ngọc Tú